TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2023
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm **gồm** ***có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Láth

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Dương Thị Thu S**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T , tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh **Kim Văn T** (K), sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Dương Thị Thu S trình bày:

Vào năm 2000, chị với anh Kim Văn T (K) được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Đến ngày 20/6/2006, chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị và anh T chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2012, chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống và tính cách. Đến năm 2013, chị đã về bên nhà cha mẹ của chị tại ấp

T, xã T, huyện T để sinh sống và kể từ thời điểm đó chị với anh T đã sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 03 người con chung tên: Kim Thanh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 26/5/2001; Kim Hoài A (giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2013 và Kim Dương Bảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/02/2009. Đối với người con tên: Kim Thanh T1 và Kim Hoài A hiện nay đã trên 18 tuổi, còn đối với cháu V đang sống chung với với chị.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Kim Văn T (K).

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kim Dương Bảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/02/2009 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Đối với Kim Thanh T1 và Kim Hoài A hiện nay đã trên 18 tuổi nên chị không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/8/2023, bị đơn anh Kim Văn T (K) trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Dương Thị Thu S.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị Thu S.

- Về con chung: Đối với Kim Thanh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 26/5/2001 và Kim Hoài A (giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2013 hiện nay đã trên 18 tuổi, nên anh không đặt ra xem xét. Đối với người con tên: Kim Dương Bảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/02/2009. Nếu cháu V muốn sống với cha thì anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng, còn cháu V muốn sống với mẹ thì anh không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Dương Thị Thu S đối với anh Kim Văn T (K), Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị S và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung với nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị S với anh T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị S và anh T đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị S và anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S với anh T.

[5] Về con chung: Đối với Kim Thanh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 26/5/2001 và Kim Hoài A (giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2013 hiện nay đều đã trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Kim Dương Bảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/02/2009 hiện nay chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu V cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu V và phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho anh T, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Chị Dương Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thu S với anh Kim Văn T (K).

2. Về con chung: Chị Dương Thị Thu S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Kim Dương Bảo V (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/02/2009 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người con tên: Kim Thanh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 26/5/2001 và Kim Hoài A (giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2013 hiện nay đều đã trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Thu S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007880, ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Kim Văn T (K) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua